Order for Protection – Vulnerable Adult
(Án Lệnh Bảo Vệ - Người Lớn Yếu Thế)

Download the English version of this document from the Courts' website via:
(Tải văn bản tiếng Anh từ trang mạng Tòa Án:)
http://www.courts.wa.gov/forms/?fa=forms.contribute&formID=70.

Đây là Án Lệnh Bảo Vệ. Nếu được quan tòa ký, án lệnh này sẽ:

- Cho bị đơn biết những ngăn cấm nào có hiệu lực.
- Cho người lớn yếu thế biết những ngăn cấm nào có hiệu lực.
- Ấn định ngày mãn hạn.
- Ấn định những ngày tòa duyệt xét hoặc những ngày tòa khác, nếu cần thiết.

Lục sự sẽ nộp bản chính của án lệnh vào hồ sơ công cộng tòa và phân phát những bản sao cho:

- Quý vị (những bản sao chứng thực miễn phí).
- Việc tống đạt bị đơn (nếu bị đơn không tham dự phiên tòa chính thức).
- Việc tống đạt người lớn yếu thế.
- Việc tống đạt người giám hộ của người lớn yếu thế, nếu có.

Xin kiểm tra với lục sự tòa trước khi điền án lệnh.

Có những tòa thì quan tòa điền án lệnh này. Trong những tòa khác, quý vị phải điền án lệnh. Xin kiểm tra với lục sự tòa.

- Nếu quý vị phải điền án lệnh, xin tuân theo những chỉ thị dưới đây.
- Nếu cần, xin lục sự cho biết những dịch vụ giúp đỡ để giúp quý vị điền án lệnh này.

Xin Viết Chữ In Rõ Ràng Bằng Mực Đen hoặc Xanh!

Trang 1:

Đoạn trên của đơn

- Điền tên của người lớn yếu thế (tên, tên lót, họ) và viết ngày sanh của người lớn yếu thế vào chỗ có chữ "DOB."
- Người quý vị muốn tòa ngăn cấm là "Bị đơn." Điền tên (tên, tên lót, họ) và ngày sanh của bị đơn. Nếu quý vị không biết ngày sanh của bị đơn, xin viết tuổi của bị đơn.

Lục sự sẽ điền địa chỉ và số điện thoại của tòa án.

Thông tin về Nguyên Đơn

Đoạn này cho biết ai nộp đơn xin:

- Nếu quý vị là người lớn yếu thế, xin đánh vào khung thứ nhất.
- Nếu quý vị nộp đơn thay cho một người lớn yếu thế, xin đánh vào khung thứ hai và điền tên của quý vị vào. Sau đó đánh vào khung mô tả sự liên hệ của quý vị với người lớn yếu thế.
- Nếu Bộ Xã Hội và Y Tế (DSHS) nộp đơn thay cho người lớn yếu thế, xin đánh vào khung thứ ba.

Danh Tánh của Bị Đơn

- Mô tả hình dạng của bị đơn: giới tính, chủng tộc, màu tóc, chiều cao, sức nặng, và màu mắt.
- Liệt kê những nét dễ nhận dạng của bị đơn, như là nốt ruồi, vết xẹo hoặc vết xâm.
- Đánh vào khung cho biết bị đơn có thể tiếp cận với vũ khí.

"Quan Tòa Phán Quyết Căn Cứ Vào Hồ Sơ Tòa"

Luật pháp đòi hỏi án lệnh phải ghi việc bị đơn nhận được giấy thông báo ngày tòa và nhận được cách nào. Vì quan tòa phải kiểm chứng việc tống đạt phù hợp với những điều lệ tòa (đúng thời gian và đúng cách), thì có lẽ quan tòa sẽ điền phần này cho quý vị.

Án lệnh cần ghi ***mối quan hệ của người lớn yếu thế*** với bị đơn để nhân viên công lực ấn định là luật súng ống liên bang có áp dụng trong trường hợp của quý vị hay không. Xin đánh vào tất cả những khung có mô tả ***mối quan hệ của người lớn yếu thế*** với bị đơn.

"Tóm Lược Án Lệnh"

Sau khi điền mẫu đơn xong, xin đánh vào những khung áp dụng.

Án lệnh này có hiệu lực năm năm, ngoại trừ quan tòa viết một ngày khác vào trong khung.

Trang 2:

Những Điều Khoản Bảo Vệ

- Đánh vào những khung và điền những phần trống giống như khi quý vị ghi trong đơn xin, trừ khi quý vị không cần những điều khoản đó nữa.
- Quý vị không thể đánh vào khung của những điều khoản mà quý vị không yêu cầu trong đơn xin.
- Trong mỗi điều khoản, quý vị phải đánh vào những nơi quý vị muốn được bảo vệ.
- Quý vị không bắt buộc phải tiết lộ địa chỉ cư trú của người cô thế. Quý vị không cần phải viết địa chỉ đó trên bản này.

Điều khoản 9: Điều khoản này không có trên đơn xin. Nếu quan tòa ra lệnh bị đơn phải trả tổn phí và lệ phí luật sư, điều khoản này sẽ được điền vào. Nếu quan tòa ban tổn phí và lệ phí luật sư, một Phán Quyết, mẫu đơn WPF VA-3.030, cũng phải được hoàn tất.

Quan Tòa có thể phê chuẩn, từ chối, hoặc sửa đổi bất cứ điều khoản nào quý vị viết trong án lệnh này.

Trang 3:

Dữ Kiện Nhập của Cơ Quan Công Lực

Án lệnh này sẽ được nhập vào kho dữ kiện toàn bang dùng bởi cơ quan công lực để bất cứ nhân viên công lực nào trong tiểu bang cũng có thể biết lệnh đó. Viết tên cơ quan có thẩm quyền nơi người cô thể cư trú:

- Nếu địa chỉ của người lớn yếu thế nằm trong phạm vi thành phố, xin viết tên cảnh sát thành phố.
- Nếu địa chỉ của người lớn yếu thế nằm ngoài phạm vi thành phố, xin viết tên cảnh sát quận.

Việc Tống Đạt Án Lệnh

Ngoại trừ bị đơn hoặc luật sư bị đơn tham dự phiên tòa, án lệnh phải được tống đạt cho bị đơn. Bị đơn cần phải biết có những điều khoản ngăn cấm nào hiện hữu và khi nào án lệnh mãn hạn.

Nếu quý vị nộp thay cho người lớn yếu thế, trừ khi người lớn yếu thế hoặc luật sư của người lớn yếu thế tham dự phiên tòa, án lệnh này phải được tống đạt cho người lớn yếu thế. Người lớn yếu thế cần phải biết có những điều khoản ngăn cấm nào hiện hữu và khi nào án lệnh mãn hạn. Quý vị cũng phải tống đạt cho người giám hộ của người lớn yếu thế, nếu có.

Quý vị có thể chọn việc tống đạt bởi:

- Một cơ quan công lực.
- Một người tống đạt chuyên nghiệp được mướn.
- Một người khác ít nhất 18 tuổi, mà không phải là một trong các bên thưa kiện.
- Bằng bưu điện hoặc đăng tải, nếu trước đây quan tòa đã phán lệnh cho phép tống đạt bằng bưu điện hoặc đăng tải.

Nếu quý vị muốn cơ quan công lực tống đạt giấy tờ, xin điền Bản Thông Tin Cơ Quan Công Lực.

Sự Trợ Giúp của Nhân Viên Công Lực

Quan tòa có thể ra lệnh nhân viên công lực trợ giúp quý vị một cách hạn chế. Nếu quý vị vẫn cần sự trợ giúp của nhân viên công lực, xin đánh vào những khung giống như quý vị đã đánh trong đơn xin.

Ký Văn Bản

Quan tòa sẽ điền ngày và giờ khi án lệnh được phê chuẩn và ký tên của quan tòa.

Ký phía dưới văn bản ở chỗ có ghi “Trình bởi” và “Nguyên Đơn.”

Dưới đây là một mẫu của Án Lệnh Bảo Vệ - Người Lớn Yếu Thế:

Notice: You must complete this form in English.
(Thông Báo: Quý vị phải điền mẫu đơn này bằng Tiếng Anh.)

Superior Court of Washington For _____ County (Tòa Thượng Thẩm Washington cho Quận_____)	**Order for Protection – Vulnerable Adult (Án Lệnh Bảo Vệ - Người Lớn Yếu Thế)**
In re the Matter of: (Về Vụ của) _____ A Vulnerable Adult (Protected Person DOB (Người lớn yếu thế (Người Được Bảo Vệ)) **(Ngày Sinh)** _____ Respondent (Restrained Person) DOB (Bị Đơn (Người Bị Ngăn Cấm)) **(Ngày Sinh)**	**No. _____** **(Số)** Court Address_____ (Địa Chỉ Tòa Án)_____ Telephone Number:(___)_____ (Số Điện Thoại:) (Clerk's Action Required) **(ORPRTVA)** (Lục Sự Cần Hành Sự)

Violation of Restraint Provisions 1, 3, 4, or 5 With Actual Notice of its Terms is a Criminal Offense Under Chapter 26.50 RCW and Will Subject a Violator to Arrest. RCW 74.34.145
(Vi Phạm những Điều Khoản Ngăn Cấm 1, 3, 4 hoặc 5 Với Sự Thông Báo Thực Thụ về những Điều Trong đó, là Một Tội Hình Chiếu Theo Chương 26.50 RCW và Sẽ Làm Người Vi Phạm bị Bắt Giữ. RCW 74.34.145)

Petitioner is:
(Nguyên Đơn là:)

- ☐ the vulnerable adult.
  (người lớn yếu thế)
- ☐ _____ (Name) (Tên),
  who filed on behalf of the vulnerable adult and is:
  (là người nộp thay cho người lớn yếu thế và là:)
  - ☐ the vulnerable adult's guardian or legal fiduciary.
    (người giám hộ hoặc đại diện pháp lý cho người yếu thế.)
  - ☐ an interested person as defined in RCW 74.34.020(9).
    (một người quan tâm như được mô tả trong RCW 74.34.020 (9).)
  - ☐ WA Dep't of Social and Health Services.
    (Bộ Xã Hội và Y Tế của Washington.)

Respondent Identification:
(Danh Tánh Bị Đơn)

Sex (Giới tính)	Race (Chủng tộc)	Hair (Tóc)
Height (Chiều cao)	Weight (Sức nặng)	Eyes (Mắt)

Respondent's Distinguishing Features:
(Những Nét Dễ Nhận của Bị Đơn:)

_____

Access to weapons: ☐ yes ☐ no ☐ unknown
(Tiếp cận với vũ khí: ☐có ☐không ☐không biết)

The Court Finds Based Upon the Court Record:
(Tòa Phán dựa theo Hồ Sơ Tòa Rằng:)

The court has jurisdiction over the parties and the subject matter and respondent has been provided with reasonable notice and an opportunity to be heard. Notice of this hearing was served on the respondent by ☐ personal service ☐ service by mail pursuant to court order ☐ service by publication pursuant to court order ☐ other_____.

(Tòa án có thẩm quyền đối với những bên kiện và nội vụ và bị đơn đã được thông báo hợp lý và được cơ hội để ra tòa. Giấy thông báo phiên tòa này đã được tống đạt bằng cách ☐ đưa tay ☐ gởi thư theo lệnh tòa ☐ đăng trên báo theo lệnh tòa ☐ cách khác_____.)

This order is issued in accordance with the Full Faith and Credit provisions of VAWA: 18 U.S.C. § 2265. Respondent committed acts of abandonment, abuse, neglect and/or financial exploitation of the vulnerable adult. ☐ The court also finds that the respondent represents a credible threat to the physical safety of the vulnerable adult, and that the relationship of the respondent to the vulnerable adult is ☐ spouse or former spouse ☐ parent of a common child ☐ current or former cohabitants and intimate partners ☐ Other: _____. The court concludes as a matter of law the relief below shall be granted.

(Án lệnh này được ban theo những điều khoản về Thành Tâm và Tin Tưởng của đạo luật VAWA: 18 U.S.C. § 2265. Bị đơn đã có những hành động ruồng bỏ, lạm hành và/hoặc bóc lột tài chánh người lớn yếu thế. ☐ Tòa cũng phán bị đơn biểu hiện một mối đe dọa thật sự cho sự an toàn thể chất của người lớn yếu thế, và mối quan hệ giữa bị đơn và người lớn yếu thế là ☐ phối ngẫu hoặc phối ngẫu cũ ☐ phụ huynh của một đứa con chung ☐ người sống chung hiện thời hoặc trước đây mà có liên hệ tình cảm ☐ Người khác:_____. Tòa án kết luận theo luật pháp, sự thỉnh cầu dưới đây cần được phê chuẩn.)

Court Order Summary:
(Tóm Lược Lệnh Tòa:)

☐ The respondent is restrained from committing acts of abuse as listed in restraint provision 1, on page 2.
(Bị đơn bị ngăn cấm không được có những hành động lạm hành như được ghi trong điều khoản ngăn cấm 1, ở trang 2.)

☐ No-contact provisions apply as set forth on the following pages.
(Những điều khoản cấm liên lạc áp dụng như được ghi trong những trang tiếp theo.)

☐ Additional provisions are listed on the following pages.
(Những điều khoản bổ túc được ghi trong những trang tiếp theo.)

The terms of this order shall be effective immediately and for five years from today's date, unless stated otherwise here (date):
(Những điều kiện của án lệnh này có hiệu lực ngay lập tức và tới năm năm kể từ ngày hôm nay, ngoại trừ được ghi khác ở đây (ngày):)

It is Ordered:
(Tòa Phán Rằng:)

☐ 1. The respondent is ***Restrained*** from committing or threatening to commit physical harm, bodily injury, assault, including sexual assault against the vulnerable adult and from molesting, harassing, or stalking the vulnerable adult.
(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được làm hoặc hăm làm tác hại thể chất, gây thương tích trên người, hành hung, kể cả hành hung tình dục người cô thế và không được xúc phạm tình dục, sách nhiễu, hoặc rình rập người lớn yếu thế.)

(If the respondent's relationship to the vulnerable adult is that of spouse or former spouse, parent of a common child, or former or current cohabitant as intimate partner, then effective immediately, and continuing as long as this protection order is in effect, **the respondent may not possess a firearm or ammunition**. 18 U.S.C. § 922(g)(8). A violation of this federal firearms law carries a maximum possible penalty of 10 years in prison and a $250,000 fine. An exception exists for law enforcement officers and military personnel when carrying department/government-issue firearms.
18 U.S.C. § 925(a)(1).)
(Nếu mối quan hệ của bị đơn với người lớn yếu thế là người phối ngẫu hoặc phối ngẫu cũ, phụ huynhcủa một đứa con chung, hoặc là người sống chung hiện tại hoặc trước đây mà có liên hệ tình cảm, thì ngay tức khắc, và tiếp tục trong thời gian lệnh bảo vệ này còn hiệu lực, **bị đơn không được có súng hoặc đạn**. 18 U.S.C. § 922(g)(8). Sự vi phạm luật liên bang về súng này có hình phạt tối đa là 10 năm tù và $250,000 tiền phạt. Một ngoại lệ áp dụng cho nhân viên công lực và quân nhân khi họ mang súng cấp bởi cơ quan chính phủ.
18 U.S.C. § 925(a)(1).)

☐ 2. Respondent is ***Restrained*** from committing or threatening to commit acts of abandonment, abuse, neglect, or financial exploitation against the vulnerable adult.
(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được làm hoặc hăm làm những hành động ruồng bỏ, lạm hành, bỏ mặc, hoặc bóc lột tài chánh người lớn yếu thế.)

☐ 3. The respondent is ***Excluded*** from the vulnerable adult's residence. ☐ The vulnerable adult's address is confidential. ☐ The vulnerable adult waives confidentiality of the address which is:
(Bị đơn bị ***Loại Trừ*** khỏi nơi cư trú của người lớn yếu thế. ☐ Địa chỉ của người lớn yếu thế là điều bí mật. ☐ Người lớn yếu thế miễn việc giữ kín địa chỉ, địa chỉ đó là:)

☐ 4. The respondent is ***Restrained*** from coming near and from having any contact with the vulnerable adult, in person or through others, by phone, mail, or any means, directly or indirectly, except through an attorney, or mailing or delivery by a third party of court documents.
(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được tới gần hoặc liên lạc gì với người lớn yếu thế, đích thân hoặc qua những người khác, bằng điện thoại, thư từ, hoặc bất cứ cách nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, ngoại trừ qua một luật sư, hoặc qua việc gởi hoặc đưa tay những tài liệu tòa bởi một đệ tam nhân.)

☐ 5. Respondent is ***Prohibited*** from knowingly coming within, or knowingly remaining within _____ (distance) of the vulnerable adult's ☐ residence ☐ workplace ☐ adult day program; ☐ the premises of the long-term care facility where the vulnerable adult resides.
(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được có chủ tâm đi tới hoặc có chủ tâm ở lại nội trong _____(khoảng cách) với ☐ nơi cư trú ☐ nơi làm việc ☐ nơi sinh hoạt ban ngày ☐ những khu vực chăm sóc dài hạn mà người lớn yếu thế trú ngụ.)

☐ other:
(Nơi khác:)

☐ 6. The respondent is ***Required*** to provide an accounting of the disposition of the vulnerable adult's income or other resources by _____ (date).

(Bị đơn bị ***Đòi Hỏi*** phải cung cấp giấy tờ kế toán việc sử dụng lợi tức và những nguồn lợi khác của người lớn yếu thế.)

☐ 7. The respondent is ***Restrained*** from transferring the vulnerable adult's property for _____ (up to 90) Days.

(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được chuyển tài sản của người lớn yếu thế trong thời gian _____(có thể tới 90) ngày.)

☐ 8. The respondent is ***Restrained*** from transferring respondent's property for _____ (up to 90) Days.

(Bị đơn bị ***Ngăn Cấm*** không được chuyển tài sản của bị đơn trong thời gian _____(có thể tới 90) ngày.)

☐ 9. Petitioner is granted judgment against the respondent as set forth in the judgment filed on _____ (date).

(Nguyên đơn được tòa quyết định chống bị đơn như ghi trong bản phán quyết nộp ngày _____(ngày).)

☐ 10. The bond posted is exonerated or the petitioner may apply ex parte for an order to disburse other security.

(Tiền bảo chứng được giải trừ hoặc nguyên đơn có thể nộp đơn xin đơn phương để được bồi hoàn những bảo chứng khác.)

☐ 11. Other (Điều Khác):

Warnings to the Respondent: Violation of restraint provisions 1, 3, 4 and 5 of this order with actual notice of its terms is a criminal offense under chapter 26.50 RCW and will subject you to arrest. If the violation of the protection order involves travel across a state line or the boundary of a tribal jurisdiction, or involves conduct within the special maritime and territorial jurisdiction of the United States, which includes tribal lands, you may be subject to criminal prosecution in federal court under 18 U.S.C. §§ 2261, 2261A, or 2262.
(***Những Cảnh Cáo cho Bị Đơn:*** Vi phạm những điều khoản ngăn cấm 1, 3, 4 và 5 của án lệnh này với giấy thông báo thực sự về những điều kiện là một tội hình chiếu theo chương 26.50 RCW và sẽ đưa đến sự bắt giữ quý vị. Nếu sự vi phạm án lệnh bảo vệ liên quan đến việc đi xuyên bang hoặc vượt ranh giới thẩm quyền của bộ lạc, hoặc có những hành vi nằm trong thẩm quyền hàng hải và lãnh thổ đặc biệt của Chính Phủ Hoa Kỳ, trong đó bao gồm lãnh thổ của bộ lạc, thì quý vị có thể bị truy tố ở tòa liên bang chiếu theo đạo luật 18 U.S.C § 2261, 2261A, hoặc 2262.)

Violation of restraint provisions 1, 3, 4, and 5 of this order is a gross misdemeanor unless one of the following conditions apply: Any assault that is a violation of this order and that does not amount to assault in the first degree or second degree under RCW 9A.36.011 or 9A.36.021 is a class C felony. Any conduct in violation of this order that is reckless and creates a substantial risk of death or serious physical injury to another person is a class C felony. Also, a violation of this order is a class C felony if you have at least two previous convictions for violating a protection order issued under Titles 7, 10, 26 or 74 RCW.

(Vi phạm những điều khoản 1, 3, 4, và 5 của án lệnh này là một tội tiểu hình cao ngoại trừ một trong những điều kiên sau đây áp dụng: Bất cứ sự hành hung nào mà vi phạm án lệnh này nhưng không tới độ hành hung cấp một hoặc hai chiếu theo RCW 9A.36.011 hoặc 9A.36.021, là một tội đại hình loại C. Bất cứ hành vi nào vi phạm án

lệnh này mà có tính cách cẩu thả và gây rủi ro lớn lao cho một người khác có thể bị tử vong hoặc bị thương tích trầm trọng, là một tội đại hình loại C. Hơn nữa, sự vi phạm án lệnh này là một tội đại hình loại C nếu quý vị đã bị kết tội trước đây ít nhất là hai lần vì vi phạm lệnh bảo vệ được ban theo Đạo luật 7, 10, 26, hoặc 74 RCW.)

If you are convicted of an offense of domestic violence, you will be forbidden for life from possessing a firearm or ammunition. 18 U.S.C. § 922(g)(9); RCW 9.41.040.

(Nếu quý vị bị kết tội về một tội bạo hành gia đình, quý vị bị cấm không được oa trữ súng hoặc đạn. 18 U.S.C. § 922(g)(9); RCW 9.41.040.)

You Can Be Arrested Even if the Person or Persons Who Obtained the Order Invite or Allow You to Violate the Order's Prohibitions. You have the sole responsibility to avoid or refrain from violating the order's provisions. Only the court can change the order upon written application.

(***Quý vị Có Thể Bị Bắt Giữ Dù Người hoặc Những Người Có Án Lệnh Mời hoặc Cho Phép Quý Vị Vi Phạm những Điều Ngăn Cấm trong Án Lệnh.*** Quý vị là người duy nhất có trách nhiệm tránh hoặc không vi phạm những điều khoản trong án lệnh. Chỉ có tòa mới thay đổi được án lệnh khi nhận được văn bản yêu cầu.)

Pursuant to 18 U.S.C. § 2265, a court in any of the 50 states, the District of Columbia, Puerto Rico, any United States territory, and any tribal land within the United States shall accord full faith and credit to the order.

(Chiếu theo đạo luật 18 U.S.C. § 2265, tòa án trong 50 tiểu bang, Địa Phận Columbia, Puerto Rico, và trong bất cứ lãnh thổ liên bang Hoa Kỳ nào, và trong bất cứ lãnh thổ bộ lạc nào trên đất Hoa Kỳ, phải đặt hoàn toàn tin tưởng và giá trị cho án lệnh.)

It is further ordered that the clerk of the court shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to _____ ☐ County Sheriff's Office ☐ Police Department ***Where the Protection Person Lives*** which shall enter it in a computer-based criminal intelligence system available in this state used by law enforcement to list outstanding warrants.

(Tòa cũng phán thêm là lục sự tòa phải chuyển một bản sao của án lệnh này vào hoặc trước ngày tòa làm việc kế tiếp cho _____ ☐ Văn Phòng Cảnh Sát Quận ☐ Cơ Quan Cảnh Sát ***Nơi Người Được Bảo Vệ Cư Ngụ*** để được đánh vào một hệ thống vi tính tình báo hình sự của tiểu bang mà cơ quan công lực dùng để liệt kê những trát tòa chưa giải tỏa.)

Service
(Sự Tống Đạt)

Petitioner shall arrange for service of this order on:
(Nguyên đơn phải sắp xếp để tống đạt đơn xin và án lệnh này cho:)
☐ Respondent. (Bị đơn)
☐ Vulnerable Adult. (Người lớn yếu thế)
☐ Vulnerable Adult's guardian.
(Người giám hộ của người lớn yếu thế)

The following persons appeared, further service is not required:
(Những người sau đây đã có mặt, không cần phải tống đạt thêm nữa:)
☐ Respondent. (Bị đơn)
☐ Vulnerable adult. (Người lớn yếu thế)
☐ Vulnerable adult's guardian.
(Người giám hộ của người lớn yếu thế)

Law Enforcement Assistance
(Sự Trợ Giúp bởi Cơ Quan Công Lực)

☐ Pursuant to RCW 74.34.140, law enforcement shall assist petitioner as follows:
(Chiếu theo RCW 74.34.140, cơ quan công lực cần trợ giúp nguyên đơn như sau:)

_____

_____.

This Order is in Effect Until the Expiration Date on Page One.
(Án Lệnh này Có Hiệu Lực cho tới Ngày Mãn Hạn ghi trong Trang Một.)

Dated: _____ at _____ a.m./p.m.
(Đề ngày) (lúc) (sáng/chiều)

_____
Judge/Commissioner
(Quan Tòa/Thẩm Phán)

Presented by:
(Trình bởi)

I acknowledge receipt of a copy of this Order:
(Tôi xác thực đã nhận một bản sao của Án Lệnh này:)

_____		_____	
Petitioner (Nguyên Đơn)	Date (Ngày)	Respondent (Bị Đơn)	Date (Ngày)

A Law Enforcement Information Sheet (LEIS) must be completed.
(Phải điền một Bản Thông Tin cho Cơ Quan Công Lực (LEIS))